

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21DDB
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc Nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....01...../.....08...../.....2022.....
Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421006	Đặng Thị Mai Chi	17/11/2003	Nữ	9,5	4,2	6,9	001	<i>[Signature]</i>		
2	115421018	Trần Thị Ngọc Hân	17/02/2003	Nữ	9,5	3,8	6,7	002	<i>[Signature]</i>		
3	115421022	Hứa Thị Mỹ Hậu	15/08/2003	Nữ	9,5	4,4	7,0	003	<i>[Signature]</i>		
4	115421032	Hứa Thảo Huyền	26/10/2003	Nữ	9,3	4,4	6,9	004	<i>[Signature]</i>		
5	115421037	Nguyễn Anh Kiệt	05/12/2003	Nam	9,5	4,2	6,9	005	<i>[Signature]</i>		
6	115421038	Nguyễn Tuấn Kiệt	01/01/2003	Nam	9,5	3,6	6,6	006	<i>[Signature]</i>		
7	115421053	Phan Tuyết Ngân	23/02/2003	Nữ	9,3	4,0	6,7	007	<i>[Signature]</i>		
8	115421057	Phạm Thị Bích Ngọc	02/09/2003	Nữ	9,5	3,6	6,6	008	<i>[Signature]</i>		
9	115421059	Hồ Thị Thảo Nguyên	07/05/2003	Nữ	9,5	3,8	6,7	009	<i>[Signature]</i>		
10	115421063	Lê Thị Thảo Nhi		Nữ	9,5	3,0	6,3	010	<i>[Signature]</i>		
11	115421066	Hồ Thị Kiều Như	01/11/2003	Nữ	9,3	5,2	7,3	011	<i>[Signature]</i>		
12	115421071	Đoàn Trọng Phúc		Nam	9,5	4,2	6,9	012	<i>[Signature]</i>		
13	115421084	Huỳnh Lâm Ngọc Quyên	06/12/2003	Nữ	9,5	4,8	7,2	013	<i>[Signature]</i>		
14	115421090	Quách Ngọc Băng Thanh	07/07/2002	Nữ	9,5	5,2	7,4	014	<i>[Signature]</i>		
15	115421091	Trần Thị Cẩm Thanh	18/08/2003	Nữ	9,5	3,0	6,3	015	<i>[Signature]</i>		
16	115421102	Trần Thị Thủy Tiên	13/06/2003	Nữ	9,5	3,8	6,7	016	<i>[Signature]</i>		
17	115421104	Trần Nhật Tiến	22/09/2003	Nam	9,3	4,2	6,8	017	<i>[Signature]</i>		
18	115421113	Đoàn Thị Huyền Trân	17/12/2003	Nữ	9,5	4,2	7,0	018	<i>[Signature]</i>		
19	115421115	Mai Thị Quế Trân	10/11/2003	Nữ	9,5	5,4	7,5	019	<i>[Signature]</i>		
20	115421125	Kim Thị Mai Trúc	09/10/2003	Nữ	9,5	3,6	6,6	020	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20
Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 31 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21DDB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 08 / 2022Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421131	Thạch Phụ Som	Ươne	10/12/2003	Nam	9,3	4,2	6,8	001	<u>Thạch</u>	
2	115421147	Bùi Thị Anh	Thư	14/03/2002	Nữ	9,3	3,6	6,5	002	<u>Thư</u>	
3	115421149	Nguyễn Quỳnh	Như	08/08/2003	Nữ	9,3	3,6	6,5	003	<u>Như</u>	
4	115421154	Phạm Như	Huệ		Nữ	9,3	3,8	6,6	004	<u>Phạm</u>	
5	115421163	Nguyễn Trần Thiên	Xuân	10/08/2003	Nữ	9,5	4,4	7,0	005	<u>Thiên</u>	
6	115421164	Lê Thị Yến	Nhi	07/10/2003	Nữ	9,5	3,2	6,4	006	<u>Lê</u>	
7	115421166	Sơn Hiếu	Toàn	02/05/2003	Nam	9,3	4,2	6,8	007	<u>Sơn</u>	
8	115421168	Nguyễn Thị Hoài	Thơ	26/10/2003	Nữ	9,3	3,6	6,5	008	<u>Thơ</u>	
9	115421178	Trần Thị Bích	Ngọc	03/10/2003	Nữ	9,5	5,2	7,4	009	<u>Trần</u>	
10	115421184	Lương Thị Ngọc	Tiên	26/02/2003	Nữ	9,3	3,0	6,2	010	<u>Lương</u>	
11	115421193	Nguyễn Khánh	Tâm	07/08/2003	Nam	9,5	4,8	7,2	011	<u>Nguyễn</u>	
12	115421198	Dương Phúc	Lợi	06/05/2003	Nam	9,3	3,6	6,5	012	<u>Dương</u>	
13	115421214	Phạm Duy	Khánh	07/09/2003	Nam	9,3	4,2	6,8	013	<u>Phạm</u>	
14	115421219	Bùi Thị Mỹ	Duyên	27/05/2003	Nữ	9,3	4,4	6,9	014	<u>Bùi</u>	
15	115421233	Lê Thúy	Hằng	02/03/2003	Nữ	9,5	5,6	7,6	015	<u>Lê</u>	
16	115421235	Huỳnh Hồng	Đào	19/07/2003	Nữ	9,5	5,0	7,3	016	<u>Huỳnh</u>	
17	115421237	Đoàn Ngọc	Huệ	23/08/2003	Nữ						
18	115421238	Nguyễn Thị Mộng	Cầm	17/08/2003	Nữ	9,5	4,4	7,0	018	<u>Nguyễn</u>	
19	115421252	Thạch Thị Ngọc	Hoa	09/12/2003	Nữ	9,5	4,4	7,0	019	<u>Thạch</u>	
20	115421271	Nguyễn Hoàng	Duy	03/11/2003	Nam	9,3	5,2	7,3	020	<u>Nguyễn</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...Trà Vinh, Ngày 31... tháng 08... năm 2022Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu TàiCán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

14/8

DTA 114

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21DDA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 8 / 2022

Phòng thi: DTA 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115420056	Quách Thu Thảo	16/10/2001	Nữ							✓
2	115421002	Ngô Thị Năm	29/11/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	002	Cat		
3	115421007	Thạch Thị Hồng	28/11/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	007	OZ		
4	115421009	Nguyễn Ngọc Diễm	23/03/2003	Nữ	9,5	4,8	7,2	004	Jul		
5	115421010	Nguyễn Thị Diễm	24/01/2003	Nữ	9,5	4,2	6,9	005	ngoc		
6	115421011	Nguyễn Ngọc Diễm	15/10/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	011	nam		
7	115421013	Nguyễn Thị Tiểu	30/05/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	007	vu		
8	115421015	Cao Thị Mỹ	23/02/2003	Nữ	9,0	4,0	6,5	008	Mye		
9	115421017	Thạch Thị Ngọc	13/05/2003	Nữ	9,3	3,2	6,3	009	thi		
10	115421021	Tô Thị Mỹ	16/04/2003	Nữ	9,3	3,4	6,4	010	thi		
11	115421023	Văng Thị Mỹ	16/06/2003	Nữ	9,5	5,2	7,4	011	ru		
12	115421033	Thạch Thị Ngọc	27/05/2003	Nữ	9,5	3,4	6,5	012	tu		
13	115421034	Kiến Thị Nhựt	01/06/2003	Nữ	9,5	5,2	7,4	013	thi		
14	115421036	Lê Chí Khâm	09/02/2003	Nam							✓
15	115421039	Nguyễn Huỳnh Lân	2003	Nam	9,5	5,0	7,3	015	lan		
16	115421046	Tăng Lâm Diễm	18/11/2003	Nữ	9,5	3,6	6,6	016	Long		
17	115421049	Thạch Hoàng Minh	18/06/2003	Nam	9,5	3,2	6,4	017	minh		
18	115421056	Trần Thị Thanh	26/09/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	018	thi		
19	115421060	Thạch Thanh Nhân	14/12/2003	Nam	9,5	3,0	6,3	019	z		
20	115421067	Phan Thị Huỳnh Như	28/10/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	020	thi		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 31 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Lưu Văn Kiệt

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

C71.204
2117

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21DDA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 07 / 2022

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115421068	Thạch Ny	16/12/2003	Nam	9,3	4,6	7,0	001	Thạch		
2	115421073	Đỗ Thanh Thiên	22/09/2003	Nữ	9,3	3,6	6,5	002	Thiên		
3	115421076	Nguyễn Thị Thùy	04/08/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	003	Thùy		
4	115421077	Kim Mai Bích	2002	Nữ	9,5	4,2	6,9	004	Bích		
5	115421079	Nguyễn Hồng	15/05/2003	Nữ							Vắng
6	115421082	Đặng Quách Ngọc	05/06/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	006	Ngọc		
7	115421088	Lý Băng	21/12/2003	Nữ	9,5	5,2	7,4	007	Băng		
8	115421092	Sơn Thị Xuân	02/09/2003	Nữ	9,5	5,0	7,3	008	Xuân		
9	115421093	Cao Thị Thanh	22/12/2003	Nữ	9,5	6,8	8,2	009	Thanh		
10	115421096	Lê Thị Kim	15/03/2003	Nữ	9,5	4,8	7,2	010	Kim		
11	115421100	Lê Nguyễn Anh	30/08/2003	Nữ							Vắng
12	115421101	Nguyễn Thị Anh	13/09/2003	Nữ	9,5	3,6	6,6	012	Anh		
13	115421105	Thạch Thị Mộng	10/03/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	013	Mộng		
14	115421110	Lê Thị Bảo	03/02/2003	Nữ	9,3	4,0	6,7	014	Bảo		
15	115421116	Lê Thị Bảo	02/07/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	015	Bảo		
16	115421118	Thạch Thị Hoài	06/12/2003	Nữ	9,5	4,6	7,1	016	Hoài		
17	115421120	Huỳnh Ngọc	30/11/2003	Nữ	9,5	3,6	6,6	017	Ngọc		
18	115421121	Lâm Thị Tuyết	28/05/2003	Nữ	9,5	4,0	6,8	018	Tuyết		
19	115421126	Nguyễn Thị Cẩm	18/05/2003	Nữ	9,3	2,8	6,1	019	Cẩm		
20	115421130	Lê Thị Ánh	27/10/2003	Nữ	9,5	5,4	7,5	020	Ánh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 31 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

C71-2024

21/7

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21DDA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 07 / 2022

Phòng thi: C71-204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421133	Nguyễn Trần Thảo Vy	02/09/2003	Nữ	9,5	5,8	7,7	021	<u>g</u>		
2	115421142	Nguyễn Hồ Thu Ngân	13/04/2003	Nữ	9,5	5,2	7,4	022	<u>lm</u>		
3	115421169	Vũ Thị Phương Thanh	24/02/2003	Nữ	9,5	5,6	7,6	023	<u>th</u>		
4	115421274	Đinh Hà Tuyết Trinh	19/09/2003	Nữ	9,0	5,0	7,0	024	<u>lt</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA20KDA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: trực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 7 / 2022Phòng thi: 071.205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112120002	Mai Thanh Bình	16/07/2002	Nam	9,5	4,2	6,9	001	<i>[Signature]</i>		
2	112120003	Trần Văn Bình	07/04/2002	Nam	9,5	4,0	6,8	002	<i>[Signature]</i>		
3	112120005	Thái Sô Đa	08/06/2002	Nam	9,5	5,4	7,5	003	<i>[Signature]</i>		
4	112120008	Trần Minh Được	27/11/2002	Nam	9,3	—	—	—	<i>[Signature]</i>		
5	112120009	Ngô Thị Thúy Duy	02/06/2002	Nữ	9,5	3,4	6,5	005	<i>[Signature]</i>		
6	112120013	Nguyễn Trung Hậu	20/10/2002	Nam	9,5	2,8	6,2	006	<i>[Signature]</i>		
7	112120015	Trần Chí Hiện	28/10/2002	Nam	9,3	4,0	6,7	007	<i>[Signature]</i>		
8	112120019	Mai Hoàng Huy	10/05/2002	Nam	9,3	3,6	6,5	008	<i>[Signature]</i>		
9	112120020	Nguyễn Danh Kha	25/08/2002	Nam	9,5	5,2	7,4	009	<i>[Signature]</i>		
10	112120026	Lâm Nhật Khương	21/01/2002	Nam	9,5	4,0	6,8	010	<i>[Signature]</i>		
11	112120029	Nguyễn Minh Luân	01/01/2002	Nam	9,5	5,0	7,3	011	<i>[Signature]</i>		
12	112120030	Thạch Mai	25/10/2002	Nam	9,5	5,0	7,3	012	<i>[Signature]</i>		
13	112120032	Nguyễn Trương Minh Nghĩa	13/10/2002	Nam	9,0	4,6	6,8	013	<i>[Signature]</i>		
14	112120033	Châu Chí Nhân	13/05/2002	Nam	9,5	3,2	6,4	014	<i>[Signature]</i>		
15	112120035	Thạch Sang Mô Ny	12/10/2000	Nam	9,5	3,8	6,7	015	<i>[Signature]</i>		
16	112120037	Đoàn Văn Thanh Phong	11/01/2002	Nam	9,3	3,8	6,6	016	<i>[Signature]</i>		
17	112120038	Phạm Hoàng Phú	20/12/2002	Nam	9,5	3,0	6,3	017	<i>[Signature]</i>		
18	112120041	Tri Hoàng Sơn	22/01/2002	Nam	9,5	4,4	7,0	018	<i>[Signature]</i>		
19	112120045	Trần Đức Thịnh	03/02/2002	Nam	9,5	3,8	6,7	019	<i>[Signature]</i>		
20	112120047	Trương Thị Anh Thư	17/01/2001	Nữ	9,5	5,6	7,6	020	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19Tổng số tờ: 19Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 21 tháng 8 năm 2022Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Xuân TrangCán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (10 -)/DA20KDA
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
21 / 7 / 2022
Phòng thi: 071.205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112120048	Lâm Hoài	Thương	23/05/2002	Nam	9,5	3,4	6,5	021	Thue	
2	112120050	Nguyễn Minh	Trí	02/04/2002	Nam	9,5	3,4	6,5	022	qu	
3	112120054	Huỳnh Ngọc	Tỷ	24/12/2002	Nam	9,5	4,0	6,8	023	Thu	
4	112120055	Nguyễn Khánh	Văn	17/03/2002	Nam	9,5	4,4	7,0	024	du	
5	112120056	Nguyễn Trường	Vũ	21/06/2002	Nam	9,5	3,4	6,5	025	vu	
6	112120114	Bùi Võ Nhật	Băng	31/05/2002	Nam	9,3	3,6	6,5	026	hang	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06...
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06...
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06...
Tổng số tờ: 06...

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Xuân Trạng

Cán bộ ghi điểm: S. S. S.

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

C71.206

21/8

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (10 -)/DA19KDHT
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
21 / 8 / 2022
Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112119063	Phạm Quốc Dương	02/09/2001	Nam	9,8	3,2	6,3	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 31 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hữu Tài

Cán bộ ghi điểm: Phạm Hữu Tài

Phạm Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21DT

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Tra miệng

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/7/2022

Phòng thi: C71206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115221002	Hà Huy Bằng	17/09/2003	Nam	9,5	4,4	7,0	002			
2	115221007	Lương Gia Huy	27/08/2003	Nam	9,3	4,6	7,0	003			
3	115221012	Lâm Quốc Kiên	28/05/2003	Nam	9,5	4,6	7,1	004			
4	115221013	Dương Tấn Lộc	15/03/2003	Nam	9,5	5,0	7,3	005			
5	115221015	Lê Thị Trúc Ly	28/06/2002	Nữ	9,5	5,2	7,4	006			
6	115221016	Mai Thiện Nhân	11/03/2003	Nam	9,3	4,8	7,1	007			
7	115221018	Trương Thanh Phong	08/03/2003	Nam	9,5	3,8	6,7	008			
8	115221019	Nguyễn Trọng Phúc	26/10/2003	Nam	9,5	6,2	7,9	009			
9	115221020	Tạ Trường Thịnh	03/09/2003	Nam	9,5	3,6	6,6	010			
10	115221021	Hứa Văn Quách Tinh	01/01/2003	Nam	9,5	4,4	7,0	011			
11	115221024	Lê Tấn Lộc	27/01/2003	Nam	9,3	5,0	7,2	012			
12	115221026	Trần Võ Anh Khoa	24/10/2003	Nam	9,0	3,4	6,2	013			
13	115221028	Hà Phước Lộc	26/02/2002	Nam	9,3	3,6	6,5	014			
14	115221030	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	17/07/2003	Nữ	9,5	4,8	7,2	015			
15	115221031	Võ Hồng Phúc	20/01/2003	Nam	—	—	—	—	—		
16	115221037	Nguyễn Phú Hào	25/10/2003	Nam	9,3	4,0	6,7	017			
17	115221038	Huỳnh Lê Phước Đạt	15/10/2003	Nam	—	—	—	—	—		
18	115221039	Nguyễn Phúc Hậu	30/10/2003	Nam	9,5	3,4	6,5	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 31 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

21/8

C71.206

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21NNAA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Tra cứu

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 8 / 2022

Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421003	Nguyễn Trần Hoài Bảo	26/02/1997	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 31 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

21/7

C71.206

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21THC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Thi viết

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 7 / 2022

Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114321180	Thạch Thị Mỹ Trung	21/03/2003	Nữ	9,5	4,2	6,9	021	<u>uy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 21 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm**

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (10 -)/DA21THD

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/7/2022Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114321136	Phạm Phúc Lộc	16/03/2003	Nam	9,5	6,0	7,8	022	100		
2	114321176	Lâm Thiên Trúc	27/03/2003	Nữ	9,5	3,0	6,2	023	100		
3	114321196	Trần Khánh Linh	06/11/2003	Nữ	9,5	4,4	7,0	024	100		
4	114321252	Lê Ngọc Nhi	18/02/2003	Nữ	9,5	5,6	7,6	025	100		
5	114321253	Nguyễn Huỳnh Như	23/04/2003	Nữ	9,5	5,4	7,5	026	100		
6	114321344	Huỳnh Nhật Trường	15/03/2003	Nam	9,5	5,2	7,4	027	100		
7	114321357	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	27/10/2003	Nữ	✓	✓	✓	✓	✓		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu TàiĐiểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 31 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành